

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2026
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Em; Bà Âu Thị Kiều Sương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kinh Luân – Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long:
Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 282/2025/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 25/2/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2026, Giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 2001; CCCD số: 083301003146, cấp ngày 13/12/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: B, khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt)

*** Bị đơn:** Đinh Thế L, sinh năm: 1990; CMND số: 321426850, do Công an tỉnh B cấp ngày 07/5/2019; Nơi cư trú: B, khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn vào năm 2021 trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 5 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh L và chị T có một con chung tên là Đinh Kim M, sinh ngày 19/10/2021 hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đinh Thế L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh L đều vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, thấy rằng mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về nuôi con chung, chị T có điều kiện nuôi con, thực tế cháu M đang do chị T nuôi dưỡng nên không cần thiết làm xáo trộn môi trường sống hiện tại của cháu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được trực tiếp nuôi con chung, ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của anh L và chị T trong cùng vụ án do chị T trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung; anh L cũng không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh L vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; Chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2021, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Từ năm 2023 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án cũng đã nhiều lần mở phiên hòa giải để giúp hai bên hàn gắn tình cảm nhưng anh L đều vắng mặt không tham gia hòa giải, điều này cho thấy anh L không có thiện chí hàn gắn. Như vậy có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của

anh chị không đạt được, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung là con chung tên là Đinh Kim M, sinh ngày 19/10/2021 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án anh L đã được Tòa án thông báo về yêu cầu nuôi con của chị T nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị T. Xét thấy, chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Đinh Kim M và cháu M vẫn phát triển ổn định nên không cần thiết làm xáo trộn môi trường sống hiện tại của cháu. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Đinh Kim M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định giữa chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh L không có ý kiến về tài sản chung và về nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T. Chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Đinh Thế L.

[2] Về con chung: chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Đinh Thế L có một con chung tên Đinh Kim M, sinh ngày 19/10/2021. Khi ly hôn chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu anh Đinh Thế L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các bên, cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn

nhân và gia đình, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh L về nợ chung, tài sản chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003539 ngày 29/09/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lăng